MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: *22/3/2022*

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,503.78	461.35
% Thay đổi	0.59%	0.67%
KLGD (CP)	947,696,665	140,591,723
GTGD (tỷ đồng)	28,485.81	4,140.26
Tổng cung (CP)	1,875,978,400	207,449,100
Tổng cầu (CP)	1,708,224,600	173,479,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,290,100	587,400
KL mua (CP)	37,383,700	273,500
GT mua (tỷ đồng)	1,759.61	8.00
GT bán (tỷ đồng)	1,217.92	18.13
GT ròng (tỷ đồng)	541.69	(10.13)

Tương quan cung cầu HOSE

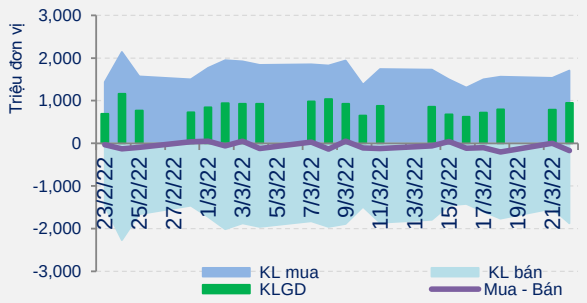

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

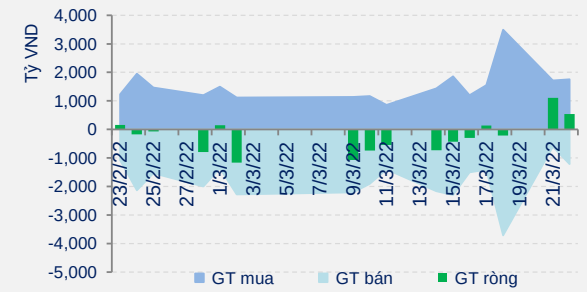

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	0.53%	21.6	3.6	1.1%
Công nghiệp	0.55%	23.3	3.2	17.9%
Dầu khí	1.58%	19.1	2.1	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.43%	-	11.2	2.9%
Dược phẩm và Y tế	-0.34%	16.5	2.6	1.1%
Hàng Tiêu dùng	0.83%	19.0	3.6	8.9%
Ngân hàng	0.49%	12.4	2.4	11.9%
Nguyên vật liệu	1.20%	10.5	2.5	17.7%
Tài chính	0.54%	21.5	3.2	33.8%
Tiện ích Cộng đồng	0.74%	18.2	2.8	1.6%
VN - Index	0.59%	17.2	3.2	
HNX - Index	0.67%	22.2	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chứng khoán Mỹ giảm nhẹ trong phiên đêm qua sau khi chủ tịch FED Jerome Powell đưa ra quan điểm hơi "diều hâu" là lạm phát hiện tại đang "quá cao". Nhưng tại thị trường Việt Nam, tâm lý của các nhà đầu tư vẫn đang tích cực với phiên thứ sáu tăng điểm liên tiếp và thanh khoản đã vượt qua mức trung bình trong phiên hôm nay. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,83 điểm (+0,59%) lên 1.503,78 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 264 mã tăng (16 mã tăng trần), 48 mã tham chiếu, 190 mã giảm (2 mã giảm sàn). Nhóm ngân hàng là trụ cột của thị trường trong phiên hôm nay với nhiều mã vẫn giữ được sắc xanh tăng giá, bất chấp áp lực bán gia tăng về cuối phiên, có thể kể đến STB (+2,9%), VPB (+0,1%), MBB (+0,8%), LPB (+2,2%), TCB (+0,9%), TPB (+1,5%), CTG (+0,5%), ACB (+1,1%)... Cổ phiếu bất động sản sau khi tăng mạnh trong phiên hôm qua đã gặp áp lực chốt lời trong phiên hôm nay và đa số đều giảm như CEO (-1,3%), FLC (-3%), NLG (-0,8%), SCR (-2,9%), HQC (-1,9%), IDC (-1,4%)... Nhóm cổ phiếu hóa chất có phiên giao dịch tưng bừng với nhiều mã tăng mạnh như DPM (+5,8%), DCM (+4,3%), CSV (+6%), LAS (+7,1%), BFC (+2,6%)...; thậm chí DGC (+7%) còn tăng trần. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng hòa chung sắc xanh với thị trường với nhiều mã tăng như SSI (+0,1%), VND (+0,5%), VIX (+0,9%), SHS (+1,4%), ART (+4,5%), HCM (+1,1%), APS (+4,8%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường nhảy gap up ngay từ đầu phiên và duy trì được sắc xanh cho đến hết phiên giao dịch trước áp lực bán gia tăng trong phiên chiều. Thanh khoản khớp lệnh cũng được cải thiện để vượt lên trên mức trung bình 20 phiên gần nhất cho thấy là dòng tiền đang đổ vào thị trường khá tốt. Khối ngoại mua ròng phiên thứ hai liên tiếp với hơn 500 tỷ đồng trên hai sàn phần nào đó cũng hỗ trợ cho lực cầu trên thị trường. Có thể nói là ở thời điểm hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đang thể hiện được sức mạnh tương đối tốt hơn nếu như so sánh với các thị trường chứng khoán Mỹ, châu Âu, cũng như châu Á. Điều này thể hiện việc nhà đầu tư đang kỳ vọng vào gói đầu tư công 340 nghìn tỷ đồng sắp được giải ngân cũng như báo cáo tài chính quý I/2022 và Đại hội cổ đông thường niên của các doanh nghiệp. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.520 điểm (đỉnh tháng 2/2022). Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm vào tuần trước có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và duy trì được cho đến khi hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.507,71 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng khiến mức tăng bị thu hẹp. Kết phiên, VN-Index tăng 8,83 điểm (+0,59%) lên 1.503,78 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 1.200 đồng, MSN tăng 3.500 đồng, NVL tăng 1.700 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM giảm 700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 465,2 điểm. Nhưng về cuối phiên giao dịch, áp lực bán bất ngờ gia tăng khiến mức tăng của chỉ số bị thu hẹp lại. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,06 điểm (+0,67%) lên 461,35 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 2.300 đồng, THD tăng 900 đồng, DNP tăng 3.100 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT giảm 1.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 536,94 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,1 triệu cổ phiếu. DGC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 244,5 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là STB với 95,9 tỷ đồng tương ứng với 2,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVL là mã bị bán ròng nhiều nhất với 144 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 10,07 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 313,9 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11 tỷ đồng tương ứng với 302,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DNM với 739 triệu đồng tương ứng với 13,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 34,8 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:

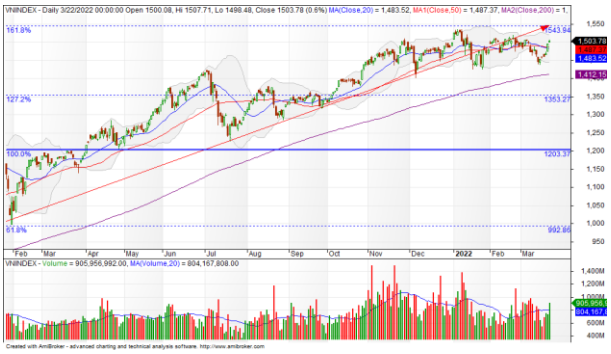

VN-Index tăng điểm trong phiên thứ sáu liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên đã được cải thiện và dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường khá tốt.

Phân tích kỹ thuật theo lý thuyết sóng elliott thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng nhẹ hôm nay (+0,59%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi với vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.485-1.490 điểm (MA20-50).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.520 điểm (đỉnh tháng 2/2022).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ 1.485-1.490 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu giá thấp.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Bộ Tài chính dự báo CPI bình quân 3 tháng 2-2,1%

CPI tháng 3 có thể tiếp tục ở mức cao, do chịu tác động chủ yếu từ giá xăng dầu tăng. CPI bình quân 3 tháng đầu năm được dự báo ở mức 2-2,1% và vẫn nằm trong kích bản lạm phát. Việc điều hành xăng dầu theo giá cơ sở mới sẽ được thực hiện từ 1/4, nếu đề xuất giảm thuế bảo vệ môi trường với nhiên liệu được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

TIN TRONG NƯỚC	
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 67,8 - 68,8 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 22/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.143 VND/USD, giảm 3 đồng so với hôm qua.
TIN QUỐC TẾ	
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 4,55 USD/ounce tương ứng với 0,24% xuống 1.924,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,169 điểm tương ứng 0,17% lên 98,670 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1004 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3177 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 120,48 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,94 USD/thùng tương ứng với 0,89% xuống 109,11 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ điều chỉnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/3, Dow Jones giảm 201,94 điểm tương ứng với 0,58% xuống 34.552,99 điểm. Nasdaq giảm 55,38 điểm tương đương 0,4% xuống 13.838,46 điểm. Nasdaq Composite giảm 1,94 điểm tương đương 0,04% xuống 4.461,18 điểm.

KLGD và VN-Index trong phiên

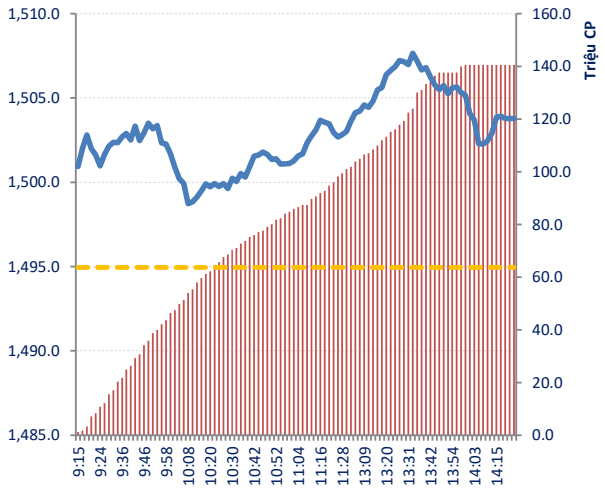

KLGD và HNX-Index trong phiên

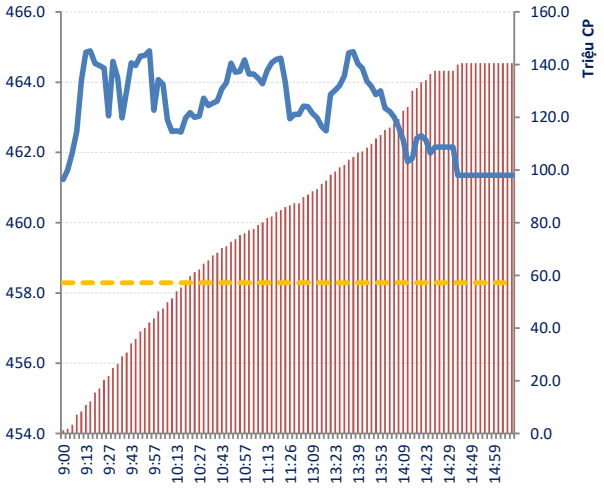

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

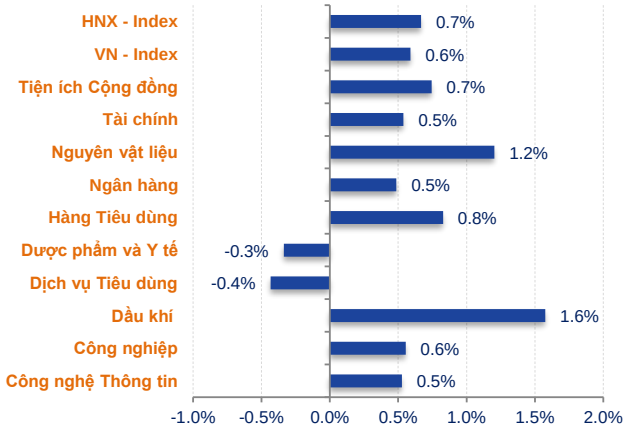

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

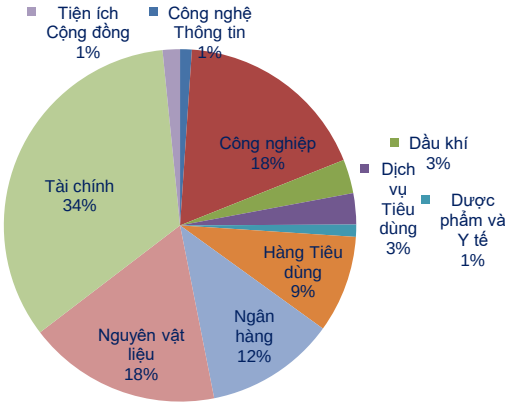

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

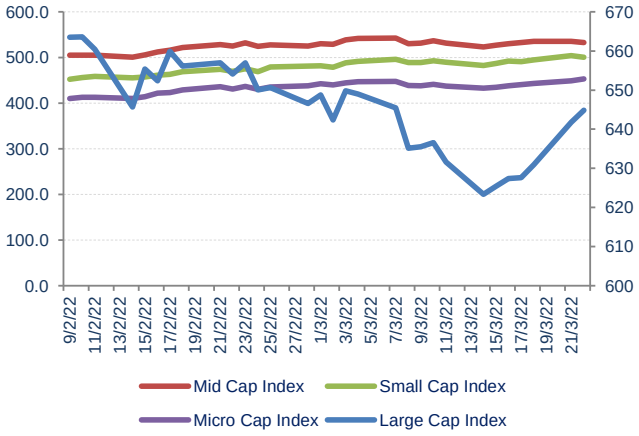

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

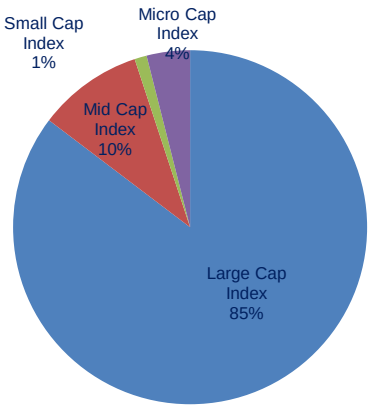

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,827,700	E1VFVN30	1,866,900
2	GEX	2,341,800	NVL	1,694,600
3	VRE	2,168,200	VND	1,118,300
4	DGC	1,165,200	FUESSVFL	986,100
5	GMD	1,155,500	FLC	720,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	12.30	13.15	6.91%	45,151,100
HQC	9.25	9.07	-1.95%	35,494,000
FLC	14.95	14.50	-3.01%	35,368,400
ROS	9.00	9.20	2.22%	26,306,500
STB	33.10	34.05	2.87%	25,084,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	50.10	53.60	3.50	6.99%
CTF	22.95	24.55	1.60	6.97%
SII	15.80	16.90	1.10	6.96%
NBB	33.00	35.30	2.30	6.97%
DGC	199.50	213.40	13.90	6.97%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAT	24.60	22.90	-1.70	-6.91%
DQC	59.60	55.50	-4.10	-6.88%
PDN	109.00	101.70	-7.30	-6.70%
CMG	59.00	55.20	-3.80	-6.44%
TCD	26.75	25.30	-1.45	-5.42%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	34,800	PVS	302,600
2	PVC	24,700	MCF	21,000
3	TA9	22,100	TTZ	17,900
4	PPS	21,800	MBG	16,000
5	NDN	13,100	DNM	13,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	35.10	35.90	2.28%	11,473,718
ART	11.20	11.70	4.46%	7,972,217
CEO	74.20	73.20	-1.35%	7,937,295
IDC	73.50	72.50	-1.36%	7,607,839
KLF	7.20	7.10	-1.39%	7,201,118

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPP	15.00	16.50	1.50	10.00%
HLC	19.00	20.90	1.90	10.00%
THS	38.10	41.90	3.80	9.97%
HVT	64.40	70.80	6.40	9.94%
TTL	21.30	23.40	2.10	9.86%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ECI	35.00	31.50	-3.50	-10.00%
LBE	32.10	28.90	-3.20	-9.97%
VXB	43.80	40.10	-3.70	-8.45%
VLA	88.00	81.30	-6.70	-7.61%
HAT	21.40	20.00	-1.40	-6.54%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

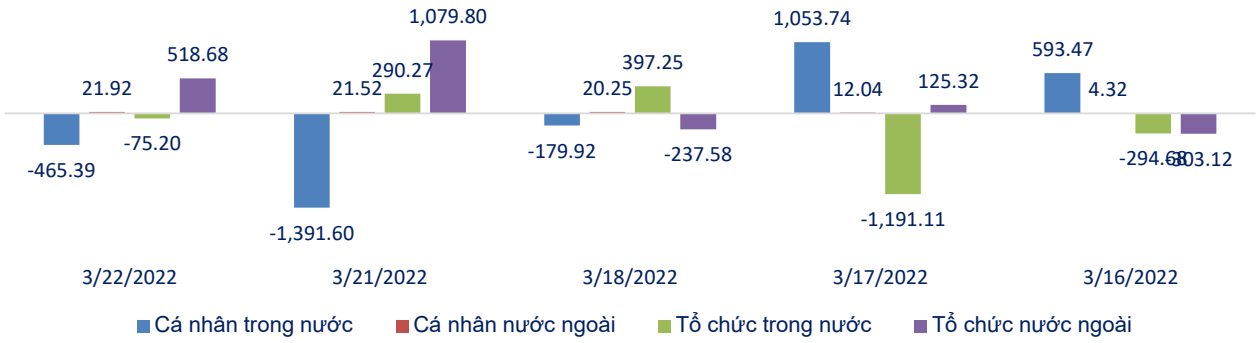

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	140.45	8.8%	1,692	48.7	3.9
FLC	126.95	0.7%	119	125.7	1.1
VGC	74.40	15.9%	2,729	18.8	2.8
GEX	61.81	7.3%	1,490	26.3	1.6
CII	54.62	-4.1%	(1,390)	-	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-262.91	45.9%	13,959	14.3	6.7
VPB	-90.35	17.0%	2,662	13.8	1.9
VRE	-72.22	4.4%	578	57.4	2.5
VHM	-70.05	35.3%	9,036	8.6	2.6
MSN	-69.44	25.4%	7,269	19.9	4.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	7.71	46.0%	7,708	6.1	2.3
SSI	7.05	22.4%	3,045	14.5	3.2
KDH	5.27	13.1%	1,931	27.6	3.4
TMS	4.30	21.4%	7,611	12.0	2.7
BMI	4.20	10.8%	2,286	18.5	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-8.31	23.6%	3,664	28.8	6.1
LCG	-5.00	8.7%	1,362	15.9	1.6
FRT	-3.80	30.6%	5,618	26.2	6.9
VND	-2.59	19.6%	949	33.7	1.6
ASM	-1.73	8.3%	1,788	11.7	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	90.59	17.0%	2,662	13.8	1.9
ACB	38.62	23.9%	3,554	9.3	2.0
FPT	36.95	21.7%	4,787	19.9	4.0
MBB	35.79	22.6%	3,361	9.6	1.9
E1VFVN30	34.07	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-153.93	7.3%	1,490	26.3	1.6
FLC	-116.22	0.7%	119	125.7	1.1
VGC	-81.01	15.9%	2,729	18.8	2.8
CII	-54.37	-4.1%	(1,390)	-	0.9
STB	-40.56	10.8%	1,855	17.8	1.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	245.78	45.9%	13,959	14.3	6.7
STB	95.01	10.8%	1,855	17.8	1.8
GEX	89.43	7.3%	1,490	26.3	1.6
VRE	69.67	4.4%	578	57.4	2.5
VHM	67.35	35.3%	9,036	8.6	2.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-142.70	8.8%	1,692	48.7	3.9
VNM	-48.46	30.3%	5,042	15.4	4.5
E1VFVN30	-47.25	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	-33.57	19.6%	949	33.7	1.6
FUESSVFL	-21.83	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	45,151,100	2.5%	199	61.9	2.4
HQC	35,494,000	3250.0%	9	1,055.9	1.0
FLC	35,368,400	0.7%	119	125.7	1.1
ROS	26,306,500	1.6%	168	53.7	0.8
STB	25,084,000	10.8%	1,855	17.8	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,473,718	4.7%	1,260	27.9	1.3
ART	7,972,217	3.0%	350	32.0	1.0
CEO	7,937,295	2.7%	362	205.0	5.4
IDC	7,607,839	9.6%	1,508	48.7	4.7
KLF	7,201,118	0.4%	40	178.2	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	7.0%	8.8%	2,845	17.6	1.6
CTF	7.0%	7.1%	670	34.3	2.1
SII	7.0%	-5.2%	(1,139)	-	0.7
NBB	7.0%	18.2%	4,126	8.0	1.7
DGC	7.0%	45.9%	13,959	14.3	6.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPP	10.0%	3.4%	445	33.7	1.3
HLC	10.0%	21.2%	2,740	6.9	1.4
THS	10.0%	9.7%	1,399	27.2	3.1
HVT	9.9%	26.9%	6,224	10.3	2.5
TTL	9.9%	2.3%	310	68.6	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,827,700	10.8%	1,855	17.8	1.8
GEX	2,341,800	7.3%	1,490	26.3	1.6
VRE	2,168,200	4.4%	578	57.4	2.5
DGC	1,165,200	45.9%	13,959	14.3	6.7
GMD	1,155,500	8.9%	2,007	27.1	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	34,800	9.6%	1,508	48.7	4.7
PVC	24,700	0.9%	146	187.9	1.7
TA9	22,100	12.9%	1,579	9.4	1.2
PPS	21,800	8.9%	1,122	11.6	1.0
NDN	13,100	23.2%	3,289	5.2	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	401,791	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	337,463	35.3%	9,036	8.6	2.6
VIC	308,929	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	221,563	12.7%	2,090	21.0	2.6
GAS	218,190	17.1%	4,531	25.2	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,430	21.8%	2,805	60.5	9.4
KSF	32,460	9.0%	1,373	78.8	5.4
IDC	22,050	9.6%	1,508	48.7	4.7
CEO	19,095	2.7%	362	205.0	5.4
HUT	17,885	1.9%	240	213.7	4.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.27	-2.8%	(310)	-	0.8
DLG	3.25	0.7%	53	153.5	1.0
CII	2.93	-4.1%	(1,390)	-	0.9
HAR	2.92	3.4%	372	31.3	1.0
SAM	2.82	3.8%	425	48.3	1.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.03	7.0%	343	41.7	2.8
CEO	2.25	2.7%	362	205.0	5.4
ART	2.20	3.0%	350	32.0	1.0
APS	2.05	62.2%	9,839	3.2	2.6
KLF	2.04	0.4%	40	178.2	0.7

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn